

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Câu 41: Hoạt động khai thác hải sản xa bờ ngày càng phát triển do

A. tàu thuyền tốt hơn. B. cải tạo cảng cá. C. lao động kinh nghiệm. D. chế biến đa dạng.

Câu 42: Biện pháp để bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh học, nguồn gen quý là bảo vệ và phát triển rừng

A. tre, nứa. B. ven biển. C. sản xuất. D. đặc dụng.

Câu 43: Loại hình du lịch biển đảo nước ta hiện nay

A. du khách tăng nhanh. B. chỉ diễn ra trong mùa hè.
C. phân bố đều khắp. D. tập trung ở miền Bắc.

Câu 44: Các nhà máy nhiệt điện than nước ta tập trung chủ yếu ở

A. đồng bằng. B. miền Bắc. C. vùng ven biển. D. miền Nam.

Câu 45: Vấn đề có ý nghĩa hàng đầu của việc khai thác chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ là

A. trồng rừng. B. thủy lợi. C. bảo vệ rừng. D. năng lượng.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có diện tích nhỏ nhất?

A. Hưng Yên. B. Hà Nam. C. Bắc Ninh. D. Nghệ An.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trong các địa điểm sau đây, địa điểm nào có lượng mưa lớn nhất?

A. Huế. B. Hà Nội. C. Lũng Cú. D. TP Hồ Chí Minh.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hồ nào sau đây thuộc lưu vực hệ thống sông Thái Bình?

A. Hồ Cẩm Sơn. B. Hồ Thác Bà. C. Hồ Kẻ Gỗ. D. Hồ Hòa Bình.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết núi nào sau đây nằm trên cao nguyên Lâm Viên?

A. Núi Vọng Phu. B. Núi Lang Bian. C. Núi Chứa Chan. D. Núi Ngọc Krinh.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, đô thị nào sau đây là đô thị loại 2?

A. Hải Phòng. B. Hà Nội. C. Thanh Hóa. D. Thái Bình.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết tỉnh nào sau đây có thu nhập bình quân đầu người cao nhất?

A. Long An. B. Tây Ninh. C. Bình Phước. D. Bình Dương.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn hơn cây công nghiệp hàng năm?

A. Phú Yên. B. Khánh Hòa. C. Ninh Thuận. D. Lâm Đồng.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết ngành công nghiệp nào sau đây có ở trung Quy Nhơn?

A. Đóng Tàu. B. Điện tử. C. Cơ khí. D. Dệt may.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm nào có quy mô nhỏ nhất trong các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm sau đây?

A. Thủ Dầu Một. B. Biên Hòa. C. Vũng Tàu. D. Tây Ninh.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết cảng nào sau đây là cảng biển?

A. Cảng Việt Trì. B. Cảng Cửa Ông. C. Cảng Cần Thơ. D. Cảng Sơn Tây.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết tài nguyên du lịch nào sau đây là di tích lịch sử cách mạng, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật?

A. Tam Đảo. B. Yên Tử. C. Ải Chi Lăng. D. Chợ Kỳ Lừa.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết tỉnh nào sau đây nằm ở vùng Tây Bắc?

A. Lào Cai. B. Yên Bái. C. Hòa Bình. D. Phú Thọ.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết điểm khai thác đá quý Quý Châu thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Nghệ An.

B. Thanh Hóa.

C. Quảng Trị.

D. Quảng Bình.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho nhà máy thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi nằm trên sông nào sau đây?

A. Xrê Pốc

B. Đà Rằng.

C. La Ngà.

D. Xê Xan.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết sông Đồng Nai đổ ra cửa nào?

A. Soi Rạp.

B. Cửa Tiểu.

C. Cửa Đại.

D. Cửa Ba Lai.

Câu 61: Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2018

(Đơn vị: Tỷ đô la Mỹ)

Quốc gia	Xin-ga-po	Ma-lai-xi-a	Thái Lan	Việt Nam
Xuất khẩu	642,3	246,6	337,4	261,8
Nhập khẩu	545,6	221,4	285,3	257,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê 2020)

Theo bảng số liệu, cho biết quốc gia nào có giá trị xuất siêu là 25,2 tỷ đô la Mỹ?

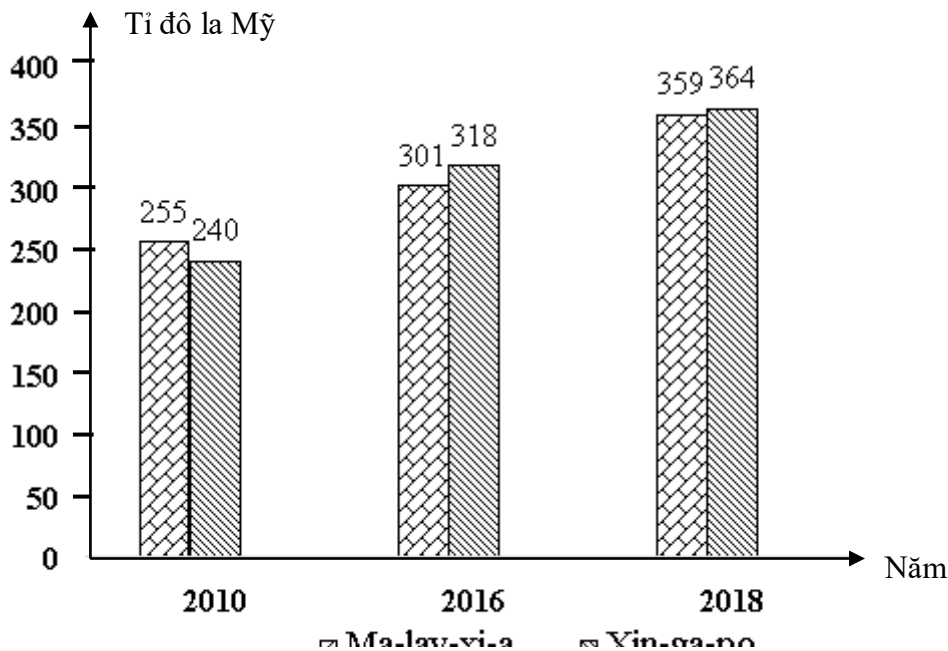
A. Xin-ga-po.

B. Ma-lai-xi-a.

C. Thái Lan.

D. Việt Nam.

Câu 62: Cho biểu đồ: BIỂU ĐỒ GDP CỦA MA-LAI-XI-A VÀ XIN-GA-PO, GIAI ĐOẠN 2010-2020



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh sự thay đổi GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po từ năm 2010 đến năm 2018?

A. GDP của Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po tăng không ổn định.

B. GDP của Xin-ga-po tăng trưởng không ổn định.

C. Quy mô GDP của Xin-ga-po luôn lớn hơn so với Ma-lai-xi-a.

D. GDP của Ma-lai-xi-a tăng chậm hơn so với Xin-ga-po.

Câu 63: Nước ta có lãnh thổ kéo dài nên

A. khí hậu phân thành hai mùa rõ rệt.

C. thiên nhiên phân hóa Bắc - Nam.

B. nền nhiệt cao, số giờ nắng nhiều.

D. mưa nhiều, độ ẩm không khí cao.

Câu 64: Cơ cấu dân số nước ta hiện nay

A. phân bố đồng đều giữa các vùng.

C. tập trung chủ yếu ở thành thị.

B. tăng rất nhanh, cơ cấu dân số trẻ.

D. biến đổi nhanh, cơ cấu dân số vàng.

Câu 65: Dân số thành thị ở nước ta hiện nay

A. có số lượng lớn hơn dân nông thôn.

C. tăng nhanh hơn dân nông thôn.

B. phân bố đều giữa các vùng.

D. chất lượng cuộc sống thấp.

Câu 66: Trong cơ cấu ngành trồng trọt, tỉ trọng cây công nghiệp có xu hướng tăng nhanh thời gian gần đây là do

A. điều kiện thuận lợi để phát triển.

C. đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất.

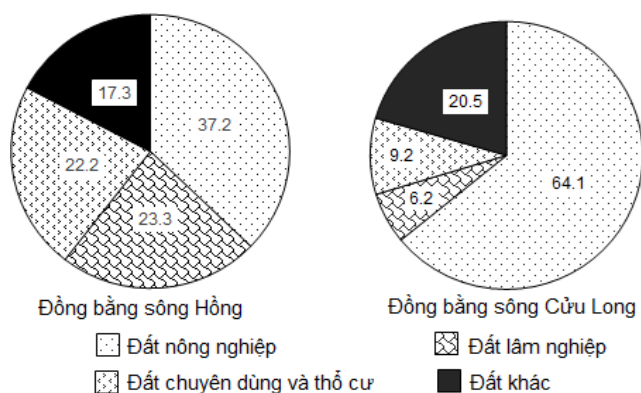
B. đẩy mạnh chế biến và xuất khẩu.

D. mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Câu 67: Ngành viễn thông nước ta hiện nay

Đề thi thử THPT quốc gia 2021 môn Địa (có đáp án)

- A. thiết bị cũ kỹ lạc hậu, quy trình thủ công.
C. có tốc độ phát triển nhanh vượt bậc.
- Câu 68:** Thuận lợi chủ yếu của biển nước ta đối với khai thác thủy sản là có
A. các ngư trường lớn, nhiều sinh vật.
C. đường bờ biển dài, nhiều bãi biển.
- Câu 69:** Giao thông vận tải đường bộ nước ta hiện nay
A. khối lượng luân chuyển lớn nhất.
C. chưa hội nhập vào đường bộ khu vực.
- Câu 70:** Các vũng vịnh nước sâu ven bờ biển Việt Nam thuận lợi để
A. phát triển du lịch biển.
C. khai thác khoáng sản biển.
- Câu 71:** Tổng mức bán lẻ hàng hóa nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây chủ yếu do
A. sản xuất phát triển, mức sống, thu nhập tăng.
B. đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa.
C. phát triển giao thông vận tải, chợ, siêu thị.
D. thu hút mạnh đầu tư trong và ngoài nước.
- Câu 72:** Thế mạnh chủ yếu của ngành công nghiệp dệt may ở Đồng bằng sông Hồng là
A. sản phẩm phong phú, hiệu quả kinh tế cao, phân bố rộng.
B. thị trường tiêu thụ rộng lớn, thu hút mạnh vốn đầu tư.
C. nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.
D. cơ cấu ngành đa dạng, nguồn nguyên liệu phong phú.
- Câu 73:** Khó khăn lớn nhất trong việc phát triển chăn nuôi gia súc lớn ở Trung Du Miền Núi Bắc Bộ là
A. thời tiết biến động, rét đậm và nhiều loại hình thời tiết cực đoan.
B. khó vận chuyển sản phẩm đến nơi tiêu thụ, năng suất đồng cỏ thấp.
C. kĩ thuật nuôi và công nghiệp chế biến lạc hậu, chất lượng giống thấp.
D. thiếu lao động và cơ sở thức ăn cho người chưa được đảm bảo tốt.
- Câu 74:** Thuận lợi chủ yếu nhất để phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là
A. khí hậu có tính chất cận xích đạo, đất ba dan giàu dinh dưỡng.
B. đất badan có diện tích rộng, giống cây trồng có chất lượng tốt.
C. đất badan ở trên những mặt bằng rộng, nguồn nước dồi dào.
D. khí hậu mát mẻ trên các cao nguyên cao trên 1000m, đất tốt.
- Câu 75:** Nguyên nhân chính làm cho giá trị sản xuất công nghiệp của Duyên hải Nam Trung Bộ vẫn còn thấp là do
A. nguồn nhân lực có trình độ cao bị hút về các vùng khác.
B. không chủ động được nguồn nguyên liệu cho sản xuất.
C. tài nguyên khoáng sản, năng lượng chưa được phát huy.
D. thiếu vốn, nguyên liệu, năng lượng và cơ sở hạ tầng.



Câu 76: Cho biểu đồ về sử dụng đất ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long năm 2019

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào?

- A. Tốc độ sử dụng đất của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.
B. Cơ cấu sử dụng đất của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Tình hình sử dụng đất của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Quy mô đất đai của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 77: Từ tháng 11-4, vùng đồng bằng Bắc Bộ ít mưa chủ yếu do tác động của

- A. Tín phong bán cầu Bắc, vị trí giáp biển Đông và địa hình thấp.
- B. gió mùa Đông Bắc, hoạt động của frông và địa hình cao ở rìa tây bắc.
- C. Tín phong bán cầu Bắc, gió mùa Đông Bắc và hoạt động của frông.
- D. gió mùa Đông Bắc, hoạt động của frông, bão và áp thấp nhiệt đới.

Câu 78: Nguyên nhân chủ yếu làm cho diện tích rừng ngập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long bị suy giảm là do

- A. triều cường, xâm nhập mặn diễn biến phức tạp.
- B. biến đổi khí hậu toàn cầu, gia tăng các thiên tai.
- C. mở rộng diện tích nuôi thủy sản và cháy rừng.
- D. chặt phá rừng để lấy gỗ quý, động thực vật quý.

Câu 79: Ý nghĩa chủ yếu của việc xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Bắc Trung Bộ là

- A. tạo ra những thay đổi lớn, thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội cho vùng.
- B. tăng khả năng thu hút các nguồn đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.
- C. tạo thuận lợi đa dạng hàng hóa vận chuyển, nâng cao vị thế của vùng.
- D. làm thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn ven biển, giải quyết việc làm.

Câu 80: Cho bảng sau:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN KHAI THÁC VÀ NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2010	2015	2019
Khai thác	2414,4	3049,9	3777,7
Nuôi trồng	2728,3	3532,2	4490,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu sản lượng thủy sản của nước ta qua các năm nói trên, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Cột.
- C. Tròn.
- D. Đường.

----- HẾT -----

Thí sinh được sử dụng *Atlas Địa lí Việt Nam* do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

CẤU TRÚC ĐỀ THI THAM KHẢO

1. Cấu trúc đề

Chuyên đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Số câu
Địa lí tự nhiên	1	1	0	1	3
Địa lí dân cư	0	2	0	0	2
Địa lý các ngành kinh tế	3	4	1	0	8
Địa lí các vùng kinh tế	1	1	4	2	8
Thực hành kĩ năng địa lí	15	2 (Đông Nam Á)	1	1	19
Tổng số câu	20	10	6	4	40
Tỉ lệ %	50%	25%	15%	10%	100%

2. Nhận xét đề.

- **Nội dung kiến thức:** Nằm chủ yếu trong chương trình địa lý lớp 12, có 2 câu kĩ năng biểu đồ, bảng số liệu lớp 11 (thuộc bài Đông Nam Á).

- **Hình thức:**

- + Đề soạn bám sát đề minh họa của Bộ Giáo Dục.
- + Bám sát sách giáo khoa, chương trình Địa lý 12.
- + Bám sát chuẩn kiến thức, kĩ năng.

- **Cấp độ nhận thức:** nhận biết 50%, thông hiểu 25%, vận dụng 15 %, vận dụng cao 10%.

- **Cấu trúc đề:**

- + Đề thi có 75% câu hỏi thuộc mức độ nhận biết và thông hiểu.
- + 25% vận dụng và vận dụng cao.
- + Trong đó 15 câu hỏi kĩ năng Atlas.
- + 2 câu biểu đồ và 2 câu bảng số liệu.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
A	D	A	B	D	C	A	A	B	C
51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
D	D	C	D	B	C	C	A	C	A
61	62	63	64	65	66	67	68	69	70
B	D	C	D	C	D	C	A	B	B
71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
A	C	B	A	D	B	C	C	B	C

LỜI GIẢI THAM KHẢO

CÂU	ĐÁP ÁN	GIẢI THÍCH
41	A	Hoạt động khai thác hải sản xa bờ ở nước ta ngày càng phát triển là do tàu thuyền và ngư cụ ngày càng hiện đại hơn (chú ý từ khóa, khai thác xa bờ tốt chủ yếu nhờ vào tàu thuyền, ngư cụ hiện đại, dịch vụ hậu cần nghề cá phát triển...)
42	D	Biện pháp giảm để bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh học, nguồn gen quý là bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng (chú ý rừng đặc dụng là vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển, khu bảo tồn thiên nhiên).
43	A	Trong ngành du lịch, loại hình du lịch biển - đảo thu hút nhiều khách nhất và doanh thu tăng nhanh nhất. Do nước ta có nhiều điều kiện để phát triển, loại hình sản phẩm du lịch đa dạng, cơ sở hạ tầng du lịch tốt hơn.
44	B	Các nhà máy nhiệt điện than nước ta tập trung chủ yếu ở miền Bắc do có nguồn nhiên liệu phong phú từ bể than ở Quảng Ninh - trữ lượng lớn nhất Đông Nam Á.

45	D	Vấn đề có ý nghĩa hàng đầu của việc khai thác chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ là cơ sở năng lượng (điện). Cơ sở năng lượng của vùng phát triển nhờ nguồn điện và mạng lưới điện.
46	C	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
47	A	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
48	A	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
49	B	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
50	C	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
51	D	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
52	D	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
53	C	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
54	D	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
55	B	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
56	C	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
57	C	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
58	A	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
59	C	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
60	A	Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.
61	B	Tính cán cân xuất nhập khẩu = xuất khẩu – nhập khẩu (xuất siêu khi giá trị xuất lớn hơn nhập và nhập siêu khi giá trị nhập khẩu lớn hơn xuất khẩu). Ma-lay-xi-a có cán cân xuất nhập khẩu dương (xuất siêu) và đạt 25,2 tỉ đô la năm 2018.
62	D	So sánh sự thay đổi GDP của Ma-lay-xi-a và Xin ga po, ta thấy giá trị GDP của Ma-lay-xi-a tăng chậm hơn Xin-ga-po.
63	C	Nước ta có lãnh thổ kéo dài nên thiên nhiên nước ta có sự phân hóa Bắc - Nam. (do sự thay đổi của khí hậu cụ thể là nhiệt độ và biên độ nhiệt).
64	D	Cơ cấu dân số nước ta hiện nay đang có sự biến đổi nhanh chóng theo nhóm tuổi (giảm tỉ lệ dưới tuổi lao động, tăng nhóm tuổi lao động và trên tuổi lao động) và ở thời kì cơ cấu dân số vàng (số người trong độ tuổi lao động cao gấp đôi số người phụ thuộc).
65	C	Các đô thị ở nước ta hiện nay có tỉ lệ dân thành thị thấp hơn so với nông thôn, tuy nhiên số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị nước ta đang có xu hướng tăng nhanh nhờ quá trình đô thị hóa được đẩy mạnh.
66	D	Trong cơ cấu ngành trồng trọt, tỉ trọng cây công nghiệp có xu hướng tăng nhanh thời gian gần đây là do tập trung sản xuất phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu nên mang lại hiệu quả kinh tế cao.
67	C	Ngành viễn thông nước ta có đặc điểm nổi bật là tốc độ phát triển nhanh vượt bậc và đón đầu được các thành tựu kĩ thuật hiện đại và có cơ cấu ngành tương đối đa dạng (SGK Địa lí 12 trang 134)
68	A	Nước ta có nhiều thuận lợi để khai thác thủy sản do vùng biển nước ta có nguồn lợi thủy sản phong phú, biển có nhiều sinh vật: 2000 loài cá, 100 loài tôm, vài chục loài mực,...nhiều ngư trường (có 4 ngư trường trọng điểm).
69	B	Giao thông vận tải đường bộ nước ta hiện nay nhờ huy động các nguồn vốn và tập trung đầu tư nên mạng lưới được mở rộng và hiện đại hóa, về cơ bản đã phủ kín các vùng. (SGK Địa lí 12 trang 131)
70	B	Các vũng vịnh nước sâu ven bờ biển Việt Nam có nhiều tiềm năng để phát triển xây dựng các cảng nước sâu nhất là Nam Trung Bộ.
71	A	Tổng mức bán lẻ hàng hóa ở nước ta tăng chủ yếu do sản xuất trong nước phát triển, mức sống và thu nhập của người dân tăng nên sức mua lớn.
72	C	Thế mạnh chủ yếu của ngành công nghiệp dệt may ở Đồng bằng sông Hồng là nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

73	B	Khó khăn lớn nhất trong việc phát triển chăn nuôi gia súc lớn ở Trung Du Miền Núi Bắc Bộ là khâu vận chuyển sản phẩm đến nơi tiêu thụ, năng suất đồng cỏ thấp.
74	A	Thuận lợi chủ yếu nhất để phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là khí hậu có tính chất cận xích đạo, đất badan giàu dinh dưỡng.
75	D	Nguyên nhân chính làm cho giá trị sản xuất công nghiệp của Duyên hải Nam Trung Bộ vẫn còn thấp là do vùng rất hạn chế về tài nguyên nhiên liệu, năng lượng; cơ sở năng lượng (điện) chưa đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp cơ sở hạ tầng chưa hoàn thiện, thiếu lực lượng lao động có trình độ chuyên môn... => các nguồn lực phát triển còn chưa hội tụ đầy đủ (SGK Địa lí 12 trang 163).
76	B	Biểu đồ tròn thể hiện rõ cơ cấu sử dụng đất của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long năm 2019.
77	C	Từ tháng 11 đến tháng 4 là thời gian của mùa đông ở miền Bắc, thời kì này miền Bắc ít mưa vì chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc (chủ yếu lạnh, khô), frông chỉ gây mưa ngắn ngày và Tín phong bán cầu Bắc gây kiểu thời tiết nắng ấm, hanh khô.
78	C	Nguyên nhân chủ yếu làm cho diện tích rừng ngập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long suy giảm là do mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản (chủ yếu nuôi tôm) và cháy rừng.
79	B	Ý nghĩa quan trọng nhất của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Bắc Trung Bộ là tạo ra những thay đổi lớn trong sự phát triển kinh tế xã hội của vùng, cơ sở hạ tầng đặc biệt giao thông vận tải (các tuyến đường bắc – nam, đông – tây nối cửa khẩu, cảng biển...) phát triển sẽ tạo thế mở cửa, tăng cường giao lưu kinh tế và thu hút mạnh mẽ nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước => thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, hình thành cơ cấu kinh tế của vùng.
80	C	Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu sản lượng thủy sản nước ta qua các năm (3 năm), loại biểu đồ thích hợp nhất là tròn.

----- HẾT -----